



Ký bởi: Tổng Công Ty  
Bảo Đảm An Toàn Hàng  
Hải Miền Nam  
Ký ngày: 23.09.2022  
11:02:21

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM  
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **213** /TBHH-TCTBĐATHHMN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày **23** tháng **9** năm **2022**

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**  
**Về thông số kỹ thuật độ sâu luồng hàng hải Quy Nhơn**

**BDH - 05 - 2022**

Vùng biển: Tỉnh Bình Định.

Tên luồng: Luồng hàng hải Quy Nhơn.

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu QN\_2209\_01 và QN\_2209\_02, tỷ lệ 1/5000 đo đạc hoàn thành tháng 9/2022, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Quy Nhơn như sau:

1. Trong phạm vi đáy luồng hàng hải Quy Nhơn rộng 110 m, chiều dài 6,3 km, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”:

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “0” đến phao BHHH số “7” - 95 m, chiều dài khoảng 3,8 km, độ sâu đạt 9,6 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “7” - 95 m đến vũng quay tàu, chiều dài khoảng 2,2 km, độ sâu đạt 9,4 m nằm sát biên trái luồng, độ sâu ở tim luồng đạt 10,7 m.

2. Trong phạm vi khảo sát vũng quay trở tàu được giới hạn bởi đường tròn đường kính 300 m, tâm tại vị trí có tọa độ:

| Tâm vũng<br>quay trở<br>tàu | Hệ VN2000    |               | Hệ WGS-84    |               |
|-----------------------------|--------------|---------------|--------------|---------------|
|                             | Vĩ độ        | Kinh độ       | Vĩ độ        | Kinh độ       |
| “O”                         | 13°46’44,7”N | 109°14’52,0”E | 13°46’41,0”N | 109°14’58,5”E |

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 8,6 m.

3. Trong phạm vi khảo sát luồng vào khu neo đậu Đầm Thị Nại: Nối tiếp từ thượng lưu vũng quay tàu (tại khu nước phía trước Cầu cảng số 4 - Bến cảng Quy Nhơn) vào đến hết phạm vi khu neo đậu Đầm Thị Nại (tại khu vực hòn Tháp), trong đó đoạn luồng từ thượng lưu cầu cảng số 1 – Bến cảng Quy Nhơn đến khu hòn Tháp được sử dụng chung với khu nước bố trí các điểm neo đậu tàu và được phân định thành 02 lối ra vào nằm đối xứng 02 bên trục các điểm neo

đậu có chiều dài 2,6 km, chiều rộng luồng 80 m, tuyến luồng tận dụng độ sâu tự nhiên có tọa độ tìm tuyến xác định theo bảng sau:

| Tên điểm                                            | Hệ VN-2000    |                | Hệ WGS-84     |                |
|-----------------------------------------------------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|                                                     | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| <b>1. Tìm tuyến luồng phía bên trái khu neo đậu</b> |               |                |               |                |
| TN1                                                 | 13°46'53,8" N | 109°14'47,2" E | 13°46'50,0" N | 109°14'53,8" E |
| TN2                                                 | 13°47'10,0" N | 109°14'21,4" E | 13°47'06,3" N | 109°14'27,9" E |
| TN3                                                 | 13°47'18,7" N | 109°14'14,2" E | 13°47'15,0" N | 109°14'20,7" E |
| TN4                                                 | 13°47'26,7" N | 109°14'10,4" E | 13°47'23,0" N | 109°14'16,9" E |
| TN5                                                 | 13°47'37,4" N | 109°14'06,8" E | 13°47'33,7" N | 109°14'13,3" E |
| TN6                                                 | 13°47'46,6" N | 109°14'06,3" E | 13°47'42,9" N | 109°14'12,8" E |
| TN7                                                 | 13°47'48,9" N | 109°14'08,6" E | 13°47'45,2" N | 109°14'15,1" E |
| <b>2. Tìm tuyến luồng phía bên phải khu neo đậu</b> |               |                |               |                |
| TN8                                                 | 13°47'46,6" N | 109°14'10,9" E | 13°47'42,9" N | 109°14'17,4" E |
| TN9                                                 | 13°47'38,1" N | 109°14'11,5" E | 13°47'34,4" N | 109°14'18,0" E |
| TN10                                                | 13°47'28,4" N | 109°14'14,7" E | 13°47'24,7" N | 109°14'21,2" E |
| TN11                                                | 13°47'21,0" N | 109°14'18,3" E | 13°47'17,3" N | 109°14'24,8" E |
| TN12                                                | 13°47'13,6" N | 109°14'23,7" E | 13°47'09,9" N | 109°14'30,2" E |
| TN13                                                | 13°47'03,3" N | 109°14'32,1" E | 13°46'59,6" N | 109°14'38,6" E |

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 Hải đồ" đạt 3,1 m.

Lưu ý: Các đáy cá di động xuất hiện rải rác trên đoạn luồng từ phao BHHH số "16" đến khu vực Hòn Thấp.

### HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện hành hải trên tuyến luồng hàng hải Quy Nhơn căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý các đáy cá di động và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn./.

#### Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu KV VII;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- Website [www.vms-south.vn](http://www.vms-south.vn);
- Phòng KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT, P. ATHH<sup>Nhiên</sup>.

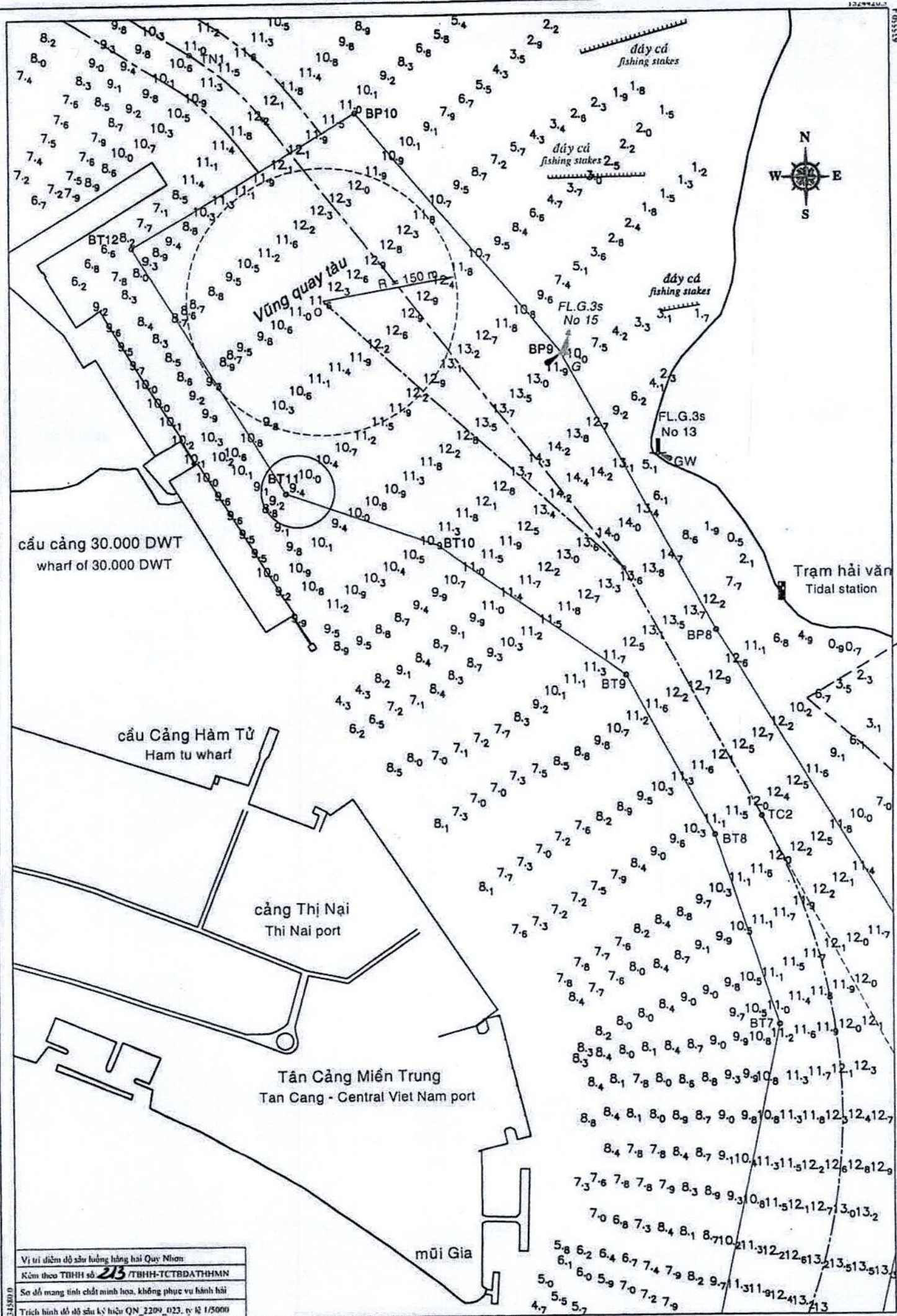
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



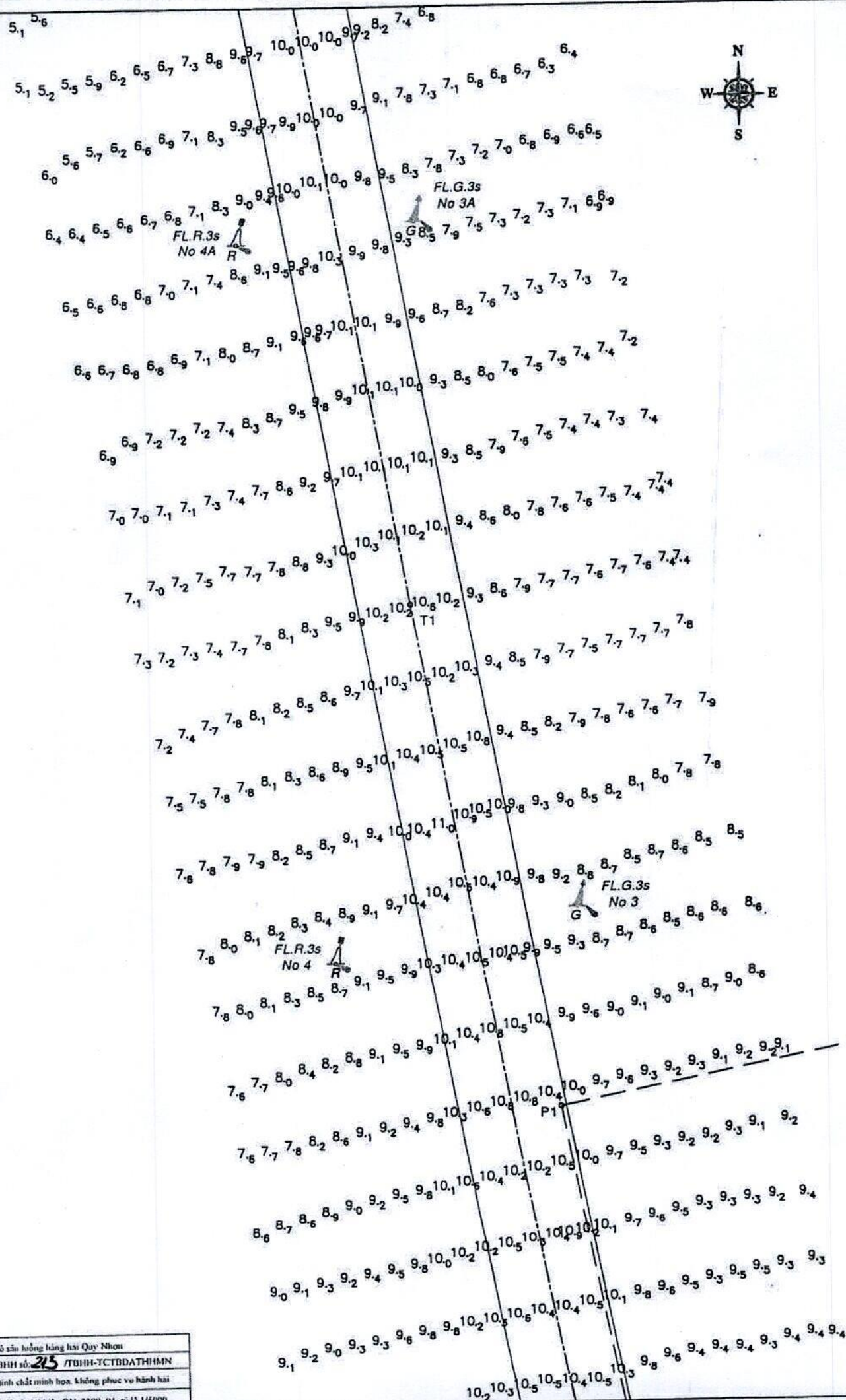
**Đinh Thái Công**

### Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 3 Chi Cục Đường sông phía Nam
- 4 Cục Cảnh sát biển
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
  - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
  - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
  - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
  - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
  - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
  - Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam (NASOS)
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 7 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
  - Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO)
  - Công ty Vận tải biển container Vinalines (VCSC)
  - Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC)
  - Công ty CP Hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE)
  - Cty CP VT biển & Hợp tác LĐ Q tế (INLACO SAIGON)
  - Công ty CP Hàng hải Vinalines Nha Trang
- 8 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 9 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 10 Công ty Vận tải và Thuê tàu biển VN (VITRANSCHART)
- 11 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 12 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 13 Đài thông tin Duyên hải Tp.Hồ Chí Minh
- 14 Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn
- 15 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 16 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 17 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 18 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 19 Trường Cao đẳng nghề hàng hải TP.HCM
- 20 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 21 Cảng Sài Gòn
- 22 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 23 Chi nhánh I – Công ty Cổ phần Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 24 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng
- 25 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 26 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ
- 27 Sở GTVT tỉnh Bình Định
- 28 Sở NN&PTNT tỉnh Bình Định
- 29 Bộ đội biên phòng cửa khẩu tỉnh Bình Định



Vị trí điểm độ sâu lượng hải hai Quy Nhơn  
Kèm theo TĐHH số 213 /TĐHH-TCTĐDATHMN  
Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hành hải  
Trích hình đồ độ sâu kỹ thuật QN\_2209\_023, tỷ lệ 1/5000  
1522959.1



Vị trí điểm đo sâu hướng bằng hai Quay Nhon  
Kèm theo TĐHH số 215 /TĐHH-TCTĐDATHHVN  
Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hành hải  
Trích bản đồ độ sâu ký hiệu QN\_2209\_01, tỷ lệ 1/5000

1519819.3

Kính hướng trục: 10R mới chuẩn 3.65



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM  
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ~~214~~/TBHH-TCTBDATHHMN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày ~~26~~ tháng 9 năm 2022

## THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Thông số kỹ thuật khu nước trước bến, vùng quay tàu, khu nước ra luồng  
cầu cảng 30.000 DWT giảm tải và cầu cảng 5.000 DWT - Bến cảng Thị Nại

**BĐH - 06 - 2022**

Vùng biển: Tỉnh Bình Định.

Tên luồng: Luồng hàng hải Quy Nhơn.

Căn cứ Đơn đề nghị số 115/ĐN-CTN ngày 21/9/2022 của Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải thông số kỹ thuật khu nước trước bến, vùng quay tàu, khu nước ra luồng cầu cảng 30.000 DWT giảm tải và cầu cảng 5.000 DWT - Bến cảng Thị Nại kèm theo bình đồ độ sâu ký hiệu CTN\_2209, tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 9 năm 2022.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật khu nước trước bến, vùng quay tàu, khu nước ra luồng cầu cảng 30.000 DWT giảm tải và cầu cảng 5.000 DWT - Bến cảng Thị Nại như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến 30.000 DWT (khu 01) được giới hạn bởi các điểm:

| Tên Điểm | Hệ tọa độ VN-2000 |               | Hệ tọa độ WGS-84 |               |
|----------|-------------------|---------------|------------------|---------------|
|          | Vĩ độ (φ)         | Kinh độ (λ)   | Vĩ độ (φ)        | Kinh độ (λ)   |
| A1       | 13°46'27,0"N      | 109°14'52,9"E | 13°46'23,3"N     | 109°14'59,3"E |
| A2       | 13°46'28,1"N      | 109°14'54,5"E | 13°46'24,4"N     | 109°15'01,0"E |
| A1'      | 13°46'26,8"N      | 109°14'55,4"E | 13°46'23,0"N     | 109°15'01,9"E |
| A2'      | 13°46'25,7"N      | 109°14'53,8"E | 13°46'22,0"N     | 109°15'00,3"E |

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 7,0 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến 30.000 DWT (khu 02) được giới hạn bởi các điểm:

| Tên Điểm | Hệ tọa độ VN-2000 |               | Hệ tọa độ WGS-84 |               |
|----------|-------------------|---------------|------------------|---------------|
|          | Vĩ độ (φ)         | Kinh độ (λ)   | Vĩ độ (φ)        | Kinh độ (λ)   |
| A1'      | 13°46'26,8"N      | 109°14'55,4"E | 13°46'23,0"N     | 109°15'01,9"E |
| A2'      | 13°46'25,7"N      | 109°14'53,8"E | 13°46'22,0"N     | 109°15'00,3"E |
| A12      | 13°46'23,3"N      | 109°14'57,8"E | 13°46'19,6"N     | 109°15'04,2"E |

|     |              |               |              |               |
|-----|--------------|---------------|--------------|---------------|
| A10 | 13°46'22,3"N | 109°14'56,1"E | 13°46'18,5"N | 109°15'02,6"E |
|-----|--------------|---------------|--------------|---------------|

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 7,2 m.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước ra luồng bến 30.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

| Tên Điểm | Hệ tọa độ VN-2000 |               | Hệ tọa độ WGS-84 |               |
|----------|-------------------|---------------|------------------|---------------|
|          | Vĩ độ (φ)         | Kinh độ (λ)   | Vĩ độ (φ)        | Kinh độ (λ)   |
| A2       | 13°46'28,1"N      | 109°14'54,5"E | 13°46'24,4"N     | 109°15'01,0"E |
| A3       | 13°46'32,3"N      | 109°15'01,0"E | 13°46'28,6"N     | 109°15'07,5"E |
| A4       | 13°46'30,9"N      | 109°15'03,0"E | 13°46'27,2"N     | 109°15'09,5"E |
| A5       | 13°46'27,9"N      | 109°15'04,7"E | 13°46'24,1"N     | 109°15'11,2"E |
| A12      | 13°46'23,3"N      | 109°14'57,8"E | 13°46'19,6"N     | 109°15'04,2"E |

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,9 m.

4. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến 5.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

| Tên Điểm | Hệ tọa độ VN-2000 |               | Hệ tọa độ WGS-84 |               |
|----------|-------------------|---------------|------------------|---------------|
|          | Vĩ độ (φ)         | Kinh độ (λ)   | Vĩ độ (φ)        | Kinh độ (λ)   |
| A8       | 13°46'19,0"N      | 109°14'59,9"E | 13°46'15,2"N     | 109°15'06,4"E |
| A9       | 13°46'18,9"N      | 109°14'58,4"E | 13°46'15,2"N     | 109°15'04,9"E |
| A10      | 13°46'22,3"N      | 109°14'56,1"E | 13°46'18,5"N     | 109°15'02,6"E |
| A11      | 13°46'23,0"N      | 109°14'57,2"E | 13°46'19,3"N     | 109°15'03,7"E |

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 7,4 m.

5. Trong phạm vi khảo sát khu nước ra luồng bến 5.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

| Tên Điểm | Hệ tọa độ VN-2000 |               | Hệ tọa độ WGS-84 |               |
|----------|-------------------|---------------|------------------|---------------|
|          | Vĩ độ (φ)         | Kinh độ (λ)   | Vĩ độ (φ)        | Kinh độ (λ)   |
| A5       | 13°46'27,9"N      | 109°15'04,7"E | 13°46'24,1"N     | 109°15'11,2"E |
| A6       | 13°46'25,1"N      | 109°15'06,2"E | 13°46'21,4"N     | 109°15'12,7"E |
| A7       | 13°46'19,5"N      | 109°15'08,1"E | 13°46'15,8"N     | 109°15'14,5"E |
| A8       | 13°46'19,0"N      | 109°14'59,9"E | 13°46'15,2"N     | 109°15'06,4"E |
| A11      | 13°46'23,0"N      | 109°14'57,2"E | 13°46'19,3"N     | 109°15'03,7"E |

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,9 m.

6. Trong phạm vi khảo sát vùng quay tàu đường kính 210 m, tâm O tại vị trí có tọa độ:

| Tên Điểm | Hệ toạ độ VN-2000   |                       | Hệ toạ độ WGS-84    |                       |
|----------|---------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|
|          | Vĩ độ ( $\varphi$ ) | Kinh độ ( $\lambda$ ) | Vĩ độ ( $\varphi$ ) | Kinh độ ( $\lambda$ ) |
| O        | 13°46'26,2"N        | 109°14'57,5"E         | 13°46'22,5"N        | 109°15'04,0"E         |

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,9 m.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại<sup>(1)</sup>.

**Nơi nhận:**

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu KV VII;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- Website [www.vms-south.vn](http://www.vms-south.vn);
- Phòng KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT, P. ATHH<sub>Đạt</sub>.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

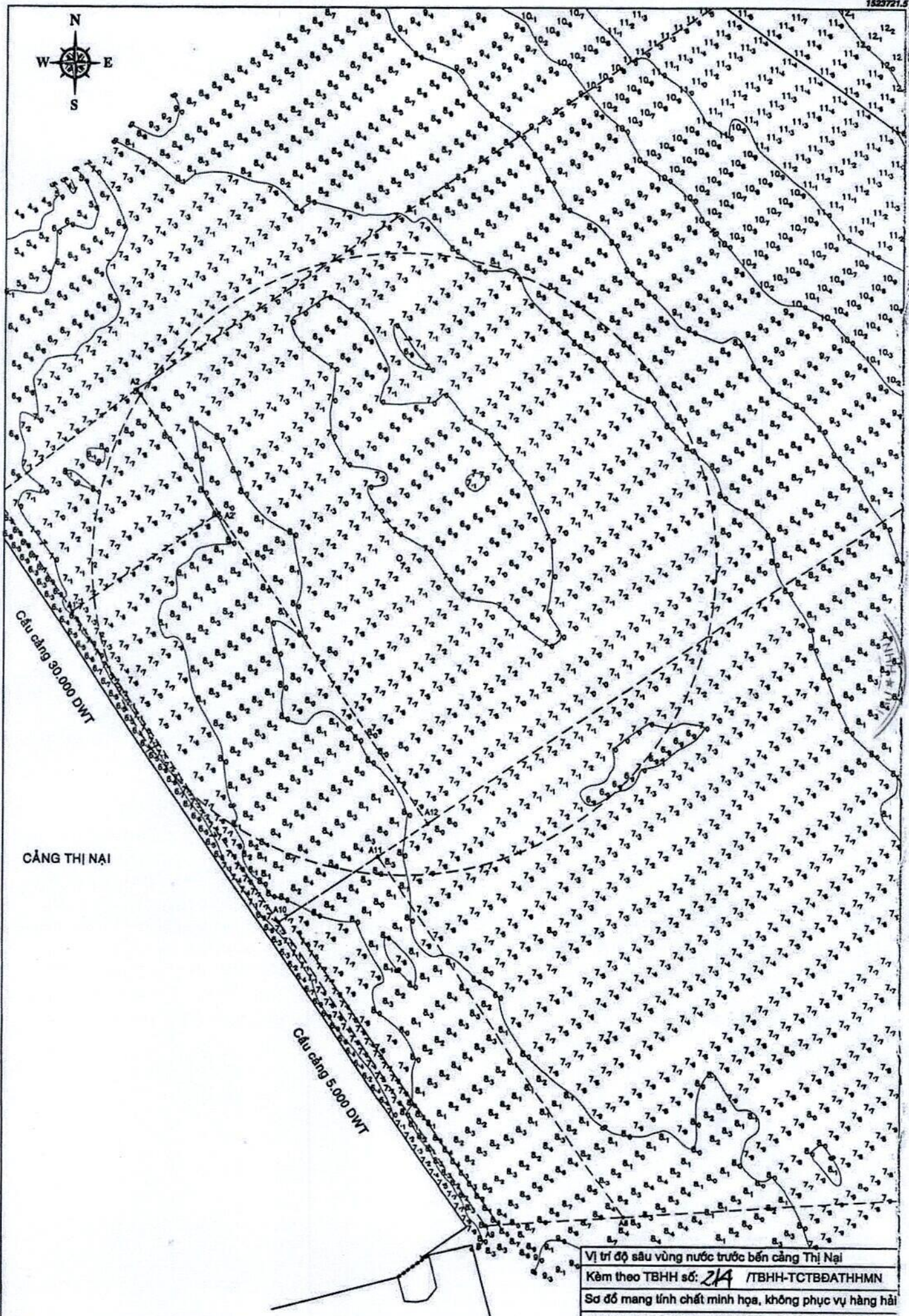


**Đinh Thái Công**

**Danh sách nơi nhận kèm theo**

- |    |                                                     |    |                                                        |
|----|-----------------------------------------------------|----|--------------------------------------------------------|
| 1  | Bộ Tư lệnh Hải quân                                 | 11 | Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)                        |
| 2  | Cục Đường thủy nội địa Việt Nam                     | 12 | Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)                    |
| 3  | Chi Cục Đường sông phía Nam                         | 13 | Đài thông tin Duyên hải Tp.Hồ Chí Minh                 |
| 4  | Cục Cảnh sát biển                                   | 14 | Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn                       |
| 5  | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam                           | 15 | Cty Vận tải xăng dầu đường biển                        |
|    | - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)                   | 16 | Cty Vận tải Thủy Bắc                                   |
|    | - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)          | 17 | Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I               |
|    | - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)         | 18 | Cty Vận tải biển Sài Gòn                               |
|    | - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)                | 19 | Trường Cao đẳng nghề hàng hải TP.HCM                   |
|    | - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)      | 20 | Trường Đại học GTVT TP.HCM                             |
|    | - Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam (NASOS) | 21 | Cảng Sài Gòn                                           |
| 6  | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam                          | 22 | XN Tàu dịch vụ dầu khí                                 |
| 7  | Tổng Cty Hàng hải Việt Nam                          | 23 | Chi nhánh I – Công ty Cổ phần Trục vót Cứu hộ Việt Nam |
|    | - Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO)                 | 24 | Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng                     |
|    | - Công ty Vận tải biển container Vinalines (VCSC)   | 25 | Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam                   |
|    | - Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC)              | 26 | Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ              |
|    | - Công ty CP Hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE)      | 27 | Sở GTVT tỉnh Bình Định                                 |
|    | - Cty CP VT biển & Hợp tác LĐ Q tế (INLACO SAIGON)  | 28 | Sở NN&PTNT tỉnh Bình Định                              |
|    | - Công ty CP Hàng hải Vinalines Nha Trang           | 29 | Bộ đội biên phòng cửa khẩu tỉnh Bình Định              |
| 8  | Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)              | 30 | Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại                           |
| 9  | Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh               |    |                                                        |
| 10 | Công ty Vận tải và Thuê tàu biển VN (VITRANSCHART)  |    |                                                        |

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin minh cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.



Vị trí độ sâu vùng nước trước bến cảng Thị Nại  
 Kèm theo TBHH số: 214 /TBHH-TCTBĐATHMN  
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải  
 Trích từ bình đồ độ sâu kỹ hiệu CTN\_2209, tỷ lệ 1/1.000